

BỘ TƯ PHÁP
Số: 10/1999/TT-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành

Nghị định về quản lý hợp tác với nước ngoài về Pháp luật

Căn cứ Nghị định 38/CP ngày 4 tháng 6 năm 1993 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tư Pháp;

Căn cứ Nghị định số 103/1998/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 1998 của Chính phủ về quản lý hợp tác với nước ngoài về Pháp luật (sau đây gọi là Nghị định);

Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG CỦA NGHỊ ĐỊNH

1.1. Theo quy định tại Điều 1 của Nghị định, cơ quan, tổ chức được hợp tác với nước ngoài về pháp luật là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cơ quan khác (sau đây gọi là Cơ quan, Tổ chức Việt Nam). Đơn vị trực thuộc cơ quan, Tổ chức Việt Nam nói trên hợp tác với nước ngoài về pháp luật phải làm thủ tục thẩm định, xin phép qua Cơ quan, Tổ chức Việt Nam.

1.2. Hoạt động hợp tác của cơ quan, Tổ chức Việt Nam với Cơ quan, Tổ chức nước ngoài thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định là tất cả những hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật được quy định tại Điều 3 của Nghị định bao gồm:

- Nghiên cứu, thu thập thông tin, kinh nghiệm cần thiết trong việc soạn thảo, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghiên cứu, thu thập thông tin, kinh nghiệm cần thiết trong việc kiện toàn, nâng cao hoạt động của cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp;
- Đào tạo nghề nghiệp, nâng cao trình độ của cán bộ, công chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, thẩm phán, thư ký toà án, kiểm sát viên, điều tra viên, chấp

hành viên, cán bộ thi hành án hình sự, trọng tài viên, công chứng viên, luật sư và các chức danh tư pháp khác;

d. Giảng dạy pháp luật ở các bậc đại học và sau đại học;

đ. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm về pháp luật mà không gắn với các hoạt động hợp tác quy định tại các điểm a, b, c và d nói trên;

e. Trao đổi thường xuyên tài liệu pháp luật, bao gồm giáo trình, sách giáo khoa, bài giảng, văn bản pháp luật và sách chuyên khảo về pháp luật.

2. Thẩm định của Bộ Tư pháp

2.1. Cơ quan, Tổ chức Việt Nam sau khi hình thành chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác gửi công văn yêu cầu Bộ Tư pháp thẩm định.

Kèm theo công văn yêu cầu thẩm định có các tài liệu sau:

a) Dự thảo chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật. Đối với chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác thuộc lĩnh vực khác có phần nội dung hợp tác với nước ngoài về pháp luật, thì gửi Bản tóm tắt chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác đó và phần nội dung hợp tác về pháp luật;

b) Bản thuyết minh về chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật hoặc phần nội dung hợp tác với nước ngoài về pháp luật, trong đó cần nêu rõ những điểm chính sau đây:

- * Sự cần thiết, yêu cầu, mục đích và nội dung cơ bản của hoạt động hợp tác;
- * Các thông tin cần thiết về tư cách pháp lý, khả năng chuyên môn, kinh nghiệm hợp tác, thái độ với Nhà nước Việt Nam của Cơ quan, Tổ chức nước ngoài;
- * Dự báo hiệu quả kinh tế - xã hội của việc thực hiện hoạt động hợp tác;
- * Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, Tổ chức Việt Nam và Cơ quan, Tổ chức nước ngoài;
- * Dự kiến thời gian, tiến độ thực hiện, kết quả, sản phẩm hợp tác và kinh phí;
- * Dự báo về những nhân tố bất lợi có thể có trong quá trình thực hiện hoạt động hợp tác.

c) Tài liệu chứng minh sự cam kết của Cơ quan, Tổ chức nước ngoài;

d) Ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành có liên quan đến nội dung hợp tác;